

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 100

Tổ :

Trang 1/4

Mã nhận dạng 01358

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Giáo dục thể chất 2* - 100-202502

CBGD: Nguyễn Đình Trường (786)

Nguyễn Thị Vĩnh Mỹ

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14125567	NGUYỄN QUÝ BÌNH	DH14BQNT		7			10	9.1		
2	14125568	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH14BQNT		7			7	7.0		
3	14125571	QUẢNG THỊ KIM DUNG	DH14BQNT		6			8	7.4		
4	14125574	ĐỖ THỊ XUÂN HIỀN	DH14BQNT								
5	14125575	NGUYỄN NGỌC HUY	DH14BQNT		8			7	7.3		
6	14125576	PHAN HẬU HƯNG	DH14BQNT								
7	14125577	DƯƠNG THỊ KIM LIÊN	DH14BQNT		7			9	8.4		
8	14125578	TẠ THỊ ANH MAI	DH14BQNT		7			8	7.7		
9	14125579	LÊ NHÃ PHONG	DH14BQNT		8			8	8.0		
10	14125580	VÕ MINH THỂ	DH14BQNT		7			9	8.4		
11	14125581	TRẦN THỊ KIM THOA	DH14BQNT		6			10	8.8		
12	14125582	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG	DH14BQNT		7			8	7.7		
13	14125583	TRẦN AN XUÂN	DH14BQNT		7			7	7.0		
14	14125665	HÀNG QUỲNH ANH	DH14BQNT		7			8	7.7		
15	14125668	PHẠM THANH QUỲNH CHI	DH14BQNT		7			7	7.0		
16	14125670	MAI THỊ THÚY DUNG	DH14BQNT		7			7	7.0		
17	14125673	PHAN HẢI ĐĂNG	DH14BQNT		7			8	7.7		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 100

Tổ :

Trang 2/4

Mã nhận dạng 01358

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Giáo dục thể chất 2* - 100-202502

CBGD: Nguyễn Đình Trường (786)

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
18	14125675	LÊ THỊ	HẠNH	DH14BQNT			6		8	7.4		

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Giáo dục thể chất 2* - 100-202502

CBGD: Nguyễn Đình Trường (786)

Ng^h Long Vũ Tuấn

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
35	14125712	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	DH14BQNT	Thanh	7		8	7.2	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14125713	HUỖNH ĐẶNG THANH	TRÂM	DH14BQNT	Tram	7		10	9.1	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	14125714	TRẦN NGỌC TỔ	TRÂM	DH14BQNT	Ngoc To	7		8	7.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14125715	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	DH14BQNT	Tran	6		10	8.8	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14125716	TRƯỜNG THỊ MỸ	TRÂM	DH14BQNT	Truong	7		8	7.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14125717	VÕ THỊ THANH	TRÂM	DH14BQNT	Thanh	7		7	7.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14125718	HUỖNH MINH	TRỌNG	DH14BQNT						9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14125720	VÕ THỊ BÍCH	VÂN	DH14BQNT	Bich	7		8	7.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14125723	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	Ý	DH14BQNT	Nhu	8		10	9.4	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14125766	LÊ VIỆT	HÀ	DH14BQNT	Vieth	7		10	9.1	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14125767	HUỖNH THỊ	HẠNH	DH14BQNT	Hanh	7		8	7.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	14125768	LÊ TRẦN MINH	TRÍ	DH14BQNT	Minh	8		8	8.0	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	14125770	TRỊNH MINH	THÀNH	DH14BQNT	Thanh	7		8	7.7	9 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện :

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Ng^h Long Vũ Tuấn